

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 3 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Việt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Xươngne.

2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thanh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ nơi làm việc: Công ty M - Ấp A1, xã B1, huyện C1, tỉnh Sóc Trăng. (bà L vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (ông T có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng S. Địa chỉ: thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S:*

- Ông S1, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S. Địa chỉ: thành phố Hà Nội. (Là người đại diện theo pháp luật; ông Thắng vắng mặt)

- Ông S2, Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng S huyện C thuộc chi nhánh Ngân hàng S tỉnh Sóc Trăng (Là người đại diện theo ủy quyền theo

Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-S ngày 19/9/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng S; ông S2 vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà L trình bày: Vào năm 2009, bà L và ông T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm và có với nhau 02 người con chung gồm cháu X sinh ngày 06/10/2010 và cháu Y sinh ngày 27/4/2014, cháu X và cháu Y hiện đang sống với ông T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Đến đầu năm 2018, do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, kinh tế gia đình không ổn định, ông T không lo cho kinh tế gia đình, quá trình chung sống ông T còn thường xuyên đánh bà L (tát mặt bằng tay), từ trước đến nay tiền của ai người đó xài chứ vợ chồng không có xài tiền chung, mặc dù là vợ chồng nhưng ông T tính toán tiền bạc với bà L nên bà L không thể chịu được. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân từ 02 năm nay.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có cùng vay của Ngân hàng S huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền vốn là 20.000.000đồng.

Nay bà L nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T. Bà L kiên quyết ly hôn với ông T, không đồng ý hàn gắn tình cảm vợ chồng.

+ Về con chung: Bà L đồng ý giao 02 người con chung gồm cháu X và cháu Y cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà L đề nghị Tòa án xác định bà L và ông T mỗi bên có trách nhiệm trả 50% khoản nợ vay 20.000.000đồng của Ngân hàng S huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Do bà L bận đi làm Công ty không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng được, nên bà L xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Trong vụ án này, các vấn đề có liên quan bà L đã trình bày đầy đủ trong hồ sơ, ngoài ra bà L không có ý kiến gì khác và cam kết không khiếu nại gì về sau.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T trình bày: Vào năm 2009, ông T và bà L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2009. Vợ chồng có với nhau 02 người con chung gồm cháu X sinh

ngày 06/10/2010 và cháu Y sinh ngày 27/4/2014, cháu X và cháu Y hiện đang sống với ông T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Vào khoảng tháng 11/2018, bà L đi làm ở Công ty M, Sóc Trăng tại huyện C1 và có thuê nhà trọ để ở, quan hệ tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, nhưng cho đến khoảng tháng 7/2020 âm lịch, vợ chồng xảy mâu thuẫn, bà L dời chỗ trọ khác nhưng không thông báo cho ông T biết, khi ông T tìm gặp thì bà L tránh né và chặn luôn số điện thoại của ông T nên không liên hệ được. Vào ngày 16/12/2020 sau khi Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tổ chức hòa giải thì ông T và bà L có cãi vã nhau về vấn đề ly hôn, nuôi con và ông T có đánh bà L mấy bạt tay. Bình thường ông T không có đánh hay chửi mắng gì bà L, ông T cũng không có nhậu nhẹt, cờ bạc hay có người phụ nữa khác. Lý do gì bà L tránh né, chặn số điện thoại của ông T và yêu cầu ly hôn với ông T thì ông T không rõ.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có cùng vay của Ngân hàng S huyện C, tỉnh Sóc Trăng số tiền vốn là 20.000.000đồng, quá trình vay vốn vẫn đóng vốn, lãi đầy đủ theo hợp đồng nên phía Ngân hàng cũng chưa có yêu cầu, tranh chấp gì.

+ Về hôn nhân: Hiện nay, ông T còn thương bà L và không muốn ly hôn với bà L mà muốn được hàn gắn, nên đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp giả sử Tòa án giải quyết cho ông T và bà L ly hôn với nhau thì:

+ Về con chung: Ông T yêu cầu Tòa án giao 02 người con chung gồm cháu X và cháu Y cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Ông T và bà L tự thỏa thuận, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Ông T đề nghị Tòa án xác định ông T và bà L mỗi bên có trách nhiệm trả 50% khoản nợ vay 20.000.000đồng của Ngân hàng S huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng S do ông S2 là người đại diện hợp pháp trình bày: Vào ngày 12/4/2017 Ngân hàng phê duyệt cho hộ ông T, thừa kế là bà L vay số tiền 20.000.000đồng, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn cho vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả cuối cùng ngày 06/8/2023, của chương trình cho vay hộ nghèo. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông T đã thực hiện tốt nghĩa vụ khi vay vốn.

Do ông Thảo bận nhiều công việc không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng được, nên ông Thảo xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Trong vụ án này, đối với khoản vay của bà L và ông T thì Ngân hàng đã có văn bản trả lời như trên, đề nghị Tòa án giải quyết khoản vay này theo đúng quy định của pháp luật, ngoài ra ông Thảo không ý kiến gì khác và cam kết không khiếu nại gì về sau.

- *Tại biên bản lấy lời khai con chung ngày 22/01/2021, cháu X trình bày:* Bà L và ông T là cha mẹ ruột của cháu X. Hiện nay, cháu X đang sống với ông T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Nếu bà L và ông T ly hôn thì nguyện vọng của cháu X được sống chung với cha là ông T; không yêu cầu mẹ là bà L phải cấp dưỡng. Ngoài ra, cháu X không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L vắng mặt nhưng tại văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà L vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T; về con chung, bà L đồng ý giao 02 người con chung gồm cháu X sinh ngày 06/10/2010 và cháu Y sinh ngày 27/4/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, yêu cầu giải quyết cho bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, bà L trình bày bà L và ông T tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết; về nợ chung, bà L đề nghị xác định bà L và ông T mỗi bên có trách nhiệm trả 50% khoản nợ vay 20.000.000đồng của Ngân hàng S. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T là bị đơn, có địa chỉ thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L và ông Thảo (là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng S) vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T là những người có đủ điều kiện kết hôn, đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2009,

nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà L trình bày trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T có sự bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, kinh tế gia đình không ổn định nên thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ 02 năm nay, do nhận thấy không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T; còn ông T cũng thừa nhận việc vợ chồng đã có phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm trước, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, khi sống chung nhà thì bà L cũng thường hay có xích mích với mẹ ông T, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cho đến thời điểm bà L đi làm Công ty và thuê nhà trọ để ở tại thành phố Sóc Trăng vào khoảng tháng 11/2018 thì vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau cho đến nay, sau đó do tiếp tục có mâu thuẫn với ông T nên bà L đã tự ý dời chỗ trọ khác mà không thông báo cho ông T biết, khi ông T tìm gặp thì bà L tránh né và chặn luôn số điện thoại của ông T nên không liên hệ được, sau buổi hòa giải về việc ly hôn vào ngày 16/12/2020 do Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tổ chức thì vợ chồng có cãi nhau và ông T có đánh bà L mấy bạt tay, hiện nay ông T còn thương bà L nên không muốn ly hôn với bà L mà mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trước đó, vào khoảng tháng 11, 12/2020 bà L đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T nhưng sau đó do bà L rút lại đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã đình chỉ giải quyết vụ án, đối với vụ án này là lần nộp đơn khởi kiện lại của bà L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng hai người không tìm ra được cách thức để hàn gắn tình cảm và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau.

[5] Như vậy, việc bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ rất lâu, mỗi người sống ở một nơi và không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không hàn gắn được cho thấy quan hệ hôn nhân giữa hai người đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà L vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông T. Vì vậy, việc bà L yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

[6] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà L và ông T có với nhau 02 người con chung gồm cháu X sinh ngày 06/10/2010 và cháu Y sinh ngày 27/4/2014, hiện nay cháu X và cháu Y đều đang sống cùng với ông T tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà L đồng ý giao cháu X và cháu Y cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; còn ông T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X và cháu Y trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà L và ông T ly hôn với nhau; đây được xem là sự thỏa thuận giữa bà L và ông T về người trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đồng thời, từ thời điểm bà L đi làm Công ty tại huyện C1 vào khoảng tháng 11/2018 cho đến nay cháu X và cháu Y sống cùng với ông T và do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, nên việc

tiếp tục giao cháu X và cháu Y cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; hiện nay, cháu X (từ đủ 07 tuổi trở lên) cũng có nguyện vọng được sống chung với ông T trong trường hợp Tòa án giải quyết cho bà L và ông T ly hôn với nhau; cháu X và cháu Y là hai chị em đã sống chung với nhau từ nhỏ, việc tách rời hai cháu ra sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển toàn diện của mỗi cháu. Do đó, căn cứ vào sự thỏa thuận giữa bà L và ông T về người trực tiếp nuôi con trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu X và cháu Y, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L và ông T, giải quyết giao cháu X và cháu Y cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y, không ai được cản trở bà L thực hiện các quyền này. Bà L không được lạm dụng việc thăm nom cháu X và cháu Y để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y của ông T. Trường hợp bà L có các hành vi này thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu X và cháu Y của bà L. Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi con có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi cháu X và cháu Y, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Bà L, ông T và Ngân hàng S thống nhất thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông T có vay của Ngân hàng S số tiền vốn là 20.000.000đồng. Tuy nhiên, Ngân hàng xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì bà L và ông T đã thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ vay, nên trong vụ án này Ngân hàng không có đơn yêu cầu độc lập đối với khoản vay này. Do đó, đối với khoản vay này do các bên không có ai tranh chấp, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết; trường hợp sau này bà L, ông T và Ngân hàng có tranh chấp thì các bên tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác. Ngoài ra, bà L và ông T không đề cập đến khoản nợ chung nào khác. Vì vậy, về nợ chung, bà L và ông T tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 300.000đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông T. *(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 134, ngày đăng ký: 11/8/2009, do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp)*

1.2. Về con chung: Giao 02 người con chung gồm cháu X sinh ngày 06/10/2010 và cháu Y sinh ngày 27/4/2014 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Bà L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y, không ai được cản trở bà L thực hiện các quyền này.

- Bà L không được lạm dụng việc thăm nom cháu X và cháu Y để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu Y của ông T. Trường hợp bà L có các hành vi này thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom cháu X và cháu Y của bà L theo quy định của pháp luật.

- Sau khi ly hôn, người trực tiếp nuôi cháu X và cháu Y có thể được Tòa án quyết định thay đổi theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi cháu X và cháu Y, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

1.5. Về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà L đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008746, ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà L đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối

với bà L và Ngân hàng S vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự (03);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND xã B (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

**Nguyễn Quốc Việt**